

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 5 và 5 tháng năm 2019

Thành phố tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cụ thể hoá việc thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội. Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa, phát triển và mở cửa thị trường, tăng cường hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư trong và ngoài nước, đi sâu vào các mặt hàng chủ lực trong từng giai đoạn. Triển khai và đưa vào vận hành, khai thác (giai đoạn 1) các trung tâm thành phần thuộc đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025”. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm vào đợt cao điểm “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”.

Tính chung 5 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 6,64%, cao hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm trước; tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 463.527 tỷ đồng, tăng 12,3% so cùng kỳ; tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước đạt 165.189 tỷ đồng, đạt 41,4% dự toán, tăng 4,9% so cùng kỳ; tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 19.236 tỷ đồng, đạt 21,6% dự toán, tăng 11,8% so cùng kỳ; tổng dư nợ tín dụng đến 1/5/2019 tăng 5,19% so với tháng 1/1/2019; khối lượng giao dịch chứng khoán giảm mạnh 34,24% so với tháng trước, chỉ số VN-Index không có nhiều biến động

Ngoài ra, đáng lưu ý là hiện tượng tăng giá đất tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi, lan ra các tỉnh/thành giáp ranh; các doanh nghiệp ngành công nghiệp có quy mô lớn di dời nhà máy, xưởng sản xuất đến những địa phương khác; thị trường xây dựng nhà ở, kinh doanh bất động sản giảm do nguồn cung giảm; việc tăng giá điện, xăng dầu tác động không nhỏ đến tăng trưởng kinh tế trong quý 2/2019.

A. KINH TẾ

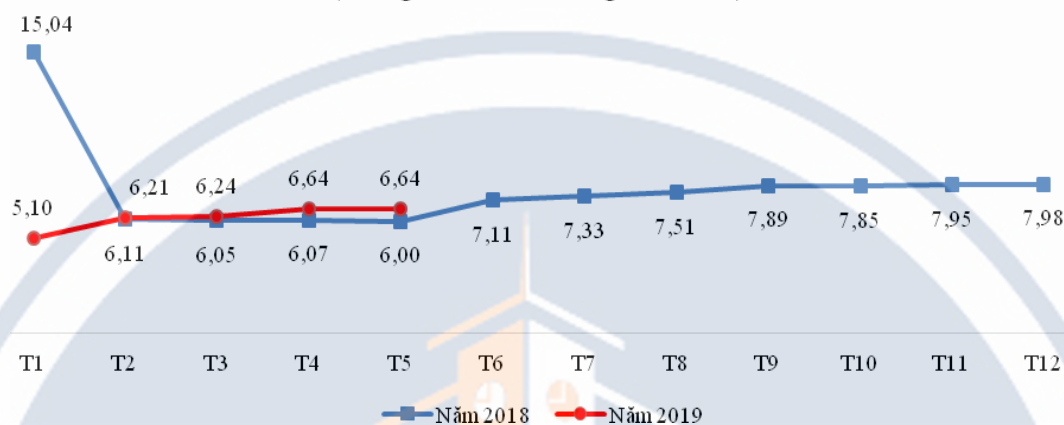
I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 5 năm 2019 ước tính tăng 3,95% so với tháng trước, trong đó ngành công nghiệp khai thác tăng 21,86%; công nghiệp chế biến tăng 3,95%; sản xuất và phân phối điện giảm 3,20%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,06%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn thành phố tăng 6,64% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng của năm 2018 (mức tăng năm 2018: 6,00%). Trong đó, ngành khai khoáng tăng 72,78% chủ yếu

do hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác tăng mạnh; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,59%; sản xuất và phân phối điện tăng 7,54%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,87%.

Đồ thị chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) - % (Cộng dồn đến tháng báo cáo)



Đối với các ngành công nghiệp cấp II, tính chung 5 tháng đầu năm 2019 thì 19/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp đều tăng so cùng kỳ năm trước, trong đó các ngành có mức tăng khá cao như: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác tăng 78,57%; sản xuất kim loại tăng 72,00%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 38,59%; sản xuất sản phẩm điện tử tăng 29,14%; sản xuất giấy và sản phẩm giấy tăng 24,15%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị tăng 20,16%. Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm mạnh so cùng kỳ như: chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa giảm 33,84%; thoát nước và xử lý rác thải giảm 13,80%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp của một số ngành chủ yếu lũy kế 5 tháng đầu năm 2019 tăng so cùng kỳ năm trước như: sản xuất thiết bị điện tử tăng 29,14%; sản xuất xe có động cơ tăng 12,66%; sản xuất đồ uống tăng 6,53%; sản xuất sản phẩm trang phục tăng 0,62%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 5/2019 so với tháng 4/2019	5 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	103,95	106,64
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai khoáng	121,86	172,78
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	103,95	106,59
3. SX và phân phối điện	96,80	107,54
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	107,06	100,87
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	107,63	98,07
2. Sản xuất đồ uống	100,90	106,53
3. Sản xuất trang phục	108,47	100,62
4. Sản xuất da và SP liên quan	109,86	96,44

	Tháng 5/2019 so với tháng 4/2019	5 tháng so với cùng kỳ
5. SX hóa chất và SP hóa chất	111,11	98,97
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	107,10	99,30
7. SP. từ khoáng phi kim loại	103,76	92,73
8. Sản xuất SP điện tử	102,67	129,14
9. Sản xuất thiết bị điện	104,38	99,80
10. Sản xuất xe có động cơ	117,91	112,66

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm, chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2019 tăng 5,96% so cùng kỳ năm trước, thấp hơn 0,68 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất chung của toàn ngành công nghiệp. Trong đó, ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống tăng 1,16%; ngành hóa dược giảm 0,12%; ngành điện tử tăng 29,14%; ngành cơ khí tăng 5,13%. Ngành sản xuất hàng điện tử tăng cao do các doanh nghiệp thường xuyên ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại; các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao (chất bán dẫn, vi mạch, bo mạch điện tử...) và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

Đơn vị tính: %

	Tháng 5/2019 so với tháng 4/2019	5 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	104,85	105,96
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	105,17	101,16
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	107,63	98,07
11-Sản xuất đồ uống	100,90	106,53
B-Ngành hóa dược	107,48	99,88
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	111,11	98,97

	Tháng 5/2019 so với tháng 4/2019	5 tháng so với cùng kỳ
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	99,44	103,86
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	107,10	99,30
C-Ngành Sản xuất hàng điện tử	102,67	129,14
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	102,67	129,14
D-Ngành cơ khí	102,96	105,13
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	94,33	105,36
27-Sản xuất thiết bị điện	104,38	99,80
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	117,47	108,82
29-Sản xuất xe có động cơ	117,91	112,66
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	88,59	100,05

Đối với các ngành truyền thống, chỉ số sản xuất công nghiệp 5 tháng đầu năm 2019 giảm 0,36% so cùng kỳ năm trước, trong đó ngành dệt tăng 4,76%; ngành may trang phục tăng 0,62%; ngành da giày giảm 3,56% so cùng kỳ năm trước.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 5/2019 ước tính tăng 1,54% so với tháng trước và tăng 0,20% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,12% so với cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: giường, tủ, bàn ghế tăng 40,58%; giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 21,14%; sản phẩm điện tử tăng 16,96%; thiết bị điện tăng 14,14%; sản xuất xe có động cơ tăng 12,47%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm mạnh như: chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) giảm 26,91%; sản phẩm chế biến, chế tạo khác giảm 21,34%; sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 11,51%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 5 ước tính tăng 53,02% so cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao hơn mức tăng chung của toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo như: da và sản phẩm liên quan tăng 201,15%; sản xuất kim loại tăng 159,23%; sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 124,63%; hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 114,18%; sản xuất thuốc lá tăng 63,36%; dệt tăng 61,30%; sản xuất giường tủ, bàn, ghế, tăng 56,70%; chế biến thực phẩm tăng 56,30%; sản xuất xe có động cơ tăng 55,03%. Tuy nhiên, một số ngành có chỉ số tồn kho giảm mạnh so cùng thời điểm năm trước như: phương tiện vận tải giảm 24,88%; sản phẩm dầu mỏ tinh chế giảm 18,27%; thuốc hóa dược và dược liệu giảm 16,69%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác giảm 12,82%.

Nhìn chung, tình hình sản xuất công nghiệp trong tháng 5 và tính chung 5 tháng đầu năm 2019 vẫn duy trì mức tăng tương đối ổn định. Các chỉ số về sản xuất, tiêu thụ và tồn kho vẫn ở mức tăng bình thường, không có sự tăng hay giảm đột biến. Để đạt được mục tiêu kế hoạch, nhà nước cần tiếp tục tăng cường những giải pháp, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện tốt hơn nữa cho các doanh nghiệp trong việc phát triển sản xuất những tháng tiếp theo.

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt: Hoạt động sản xuất nông nghiệp trong tháng chủ yếu là chăm sóc, thu hoạch lúa vụ Đông xuân, gieo cấy lúa vụ Hè thu và gieo trồng các loại cây khác.

Tính đến 15/5, diện tích gieo trồng lúa vụ Đông xuân ước đạt 5.095,9 ha, tăng 4,5% so cùng kỳ năm trước (tương đương tăng 220,9 ha); diện tích lúa đã thu hoạch là 4.915 ha tăng 7,4% so cùng kỳ, năng suất thu hoạch đạt 51,1 tạ/ha. Dự ước sản lượng lúa vụ Đông Xuân là 24.900,7 tấn.

Diện tích lúa Hè thu đã xuống giống 2.690 ha, giảm 2,9% so cùng kỳ.

Diện tích gieo trồng các loại cây khác nhìn chung đều tăng so với cùng kỳ. Trong đó, rau các loại 4.628,6 ha, tăng 0,3%; hoa cây cảnh 523,3 ha, tăng 5,2% so với cùng kỳ.

Dịch bệnh trên cây trồng: Trong tháng, diện tích rau nhiễm bệnh 704 ha, cao hơn so với cùng kỳ; diện tích lúa vụ hè thu bị nhiễm sinh vật hại trong tháng là 254,7 ha, cao hơn 123,7 ha so cùng kỳ. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

1.2. Chăn nuôi:

Tổng đàn trâu, bò ước tính có 134.130 con, tăng 2,1% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: đàn bò 129.500 con, riêng đàn bò sữa 84.200 con, tăng 1,3% so cùng kỳ.

Đàn heo ước đạt 265.600 con, giảm 1,8% so cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của dịch bệnh, giá thịt heo hơi trên thị trường vẫn đang ở mức thấp, người nuôi chưa phục hồi tổng đàn.

Đàn gia cầm ước đạt 422 ngàn con, tăng 3,9% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: đàn gà ước đạt 383 ngàn con, tăng 4%.

Trong tháng, để ngăn chặn bệnh dịch tả heo Châu Phi đang lan rộng 34/63 tỉnh, thành, đặc biệt ở các địa phương giáp Thành phố như Đồng Nai, Long An, Bình Dương. UBND TP đã chỉ đạo các Sở, ngành tăng cường kiểm tra tình hình dịch tễ đàn gia súc, gia cầm tại các địa bàn có chăn nuôi trọng điểm, tại các hộ chăn nuôi heo nhập cư và địa bàn giáp ranh với các tỉnh, thành; lập các chốt kiểm dịch, kiểm soát việc giết, mổ gia súc, gia cầm; kiểm tra chặt chẽ nguồn gốc cung ứng thịt heo.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố hiện nay là 38.864 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 36.637 ha. Tỉ lệ che phủ rừng đạt 17,48%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,18%.

Để ngăn ngừa bảo vệ rừng và phòng cháy trong mùa khô, trong tháng Chi cục Kiểm lâm tổ chức 110 lượt kiểm tra phòng cháy chữa cháy rừng, lũy kế 5 tháng là 474 lượt.

3. Thủy sản

Các hộ nuôi trồng thủy sản tiếp tục đầu tư thức ăn và nuôi thả bổ sung, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.

Lũy kế 5 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước đạt 23.658,1 tấn, tăng 1,1% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 7.778,8 tấn, tăng 1,0%; sản lượng tôm ước đạt 5.288,9 tấn, tăng 3,2%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 10.590,4 tấn, tăng 0,1% so cùng kỳ năm trước. Chia ra:

- + Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 7.375,0 tấn, tăng 0,3% so cùng kỳ;
- + Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 16.283,1 tấn, tăng 1,4% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 2.973,4 tấn, tăng 2,9%; sản lượng tôm ước đạt 4.403,5 tấn, tăng 3,3%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 8.906,2 tấn, tăng 0,1% so cùng kỳ.

• **Tình hình thả nuôi tôm tại huyện Cần Giờ (tính đến ngày 10/5/2019)**

- + Tôm sú có 303 lượt hộ thả nuôi với 65,92 triệu con giống trên diện tích 3.312,5 ha. So với cùng kỳ diện tích tăng 0,4%, con giống giảm 6,2%.
- + Tôm thẻ chân trắng có 616 lượt hộ thả nuôi với 186,75 triệu con giống trên diện tích 422,84 ha.

Hiện nay tình hình dịch bệnh trên tôm (chủ yếu bệnh đốm trắng) tại huyện Cần Giờ đang gây thiệt hại cho hộ nuôi tôm. Tính từ đầu năm đến nay, có 9 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên tổng diện tích 4,4 ha làm thiệt hại 2,13 triệu con giống; có 9 hộ với diện tích 3,69 ha được xử lý dập bệnh bằng 448 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

III. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 5 tháng ước thực hiện 142.695,3 tỷ đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 11,2%), đạt 28,2% so kế hoạch năm.

Trong đó, tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách thành phố cộng dồn 5 tháng ước đạt 6.239,3 tỷ đồng, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Cấp thành phố 5 tháng ước thực hiện 4.253,6 tỷ đồng, chiếm 67,2%, tăng 8%; cấp quận huyện ước thực hiện 2.075,7 tỷ đồng, chiếm 32,8%, bằng 90,3% so với cùng kỳ.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng 2019 (tỷ đồng)	So với cùng kỳ 2018 (%)
Tổng vốn đầu tư	6.239,3	101,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	294,7	135,4
Cấp thành phố	4.253,6	108,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	262,1	123,7
Cấp quận huyện	2.075,7	90,3

Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	32,6	580,0
----------------------------	------	-------

Tiến độ thực hiện các công trình, dự án trong tháng 5 có khá hơn so với các tháng trước. Cụ thể: tháng 5 so với tháng 4 tăng 24,5%; so với tháng 5 cùng kỳ tăng 2,5%. Một số dự án có kế hoạch vốn lớn đang đẩy nhanh tiến độ như:

+ Xây dựng hệ thống đê dọc sông Hà Thanh từ mũi Đồng Hòa đến mũi Cần Thạnh, huyện Cần Giò, kế hoạch vốn 103 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 21,5 tỷ đồng;

+ Dự án xây dựng trụ sở Công an quận 3, kế hoạch vốn 50 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 25 tỷ đồng;

+ Xây dựng Trường THCS Đông Thạnh 1, huyện Hóc Môn, kế hoạch vốn 20 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 12 tỷ đồng;

+ Mở rộng, nâng cấp bệnh viện quận 3, kế hoạch vốn 15 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 14,2 tỷ đồng;

+ Trung tâm văn hóa Hòa Bình, quận 10, kế hoạch vốn 50 tỷ đồng, thực hiện 5 tháng ước đạt 42 tỷ đồng;

Nhìn chung tiến độ 5 tháng đầu năm khối lượng thực hiện vốn ngân sách so với kế hoạch năm đạt còn thấp 20,4%, cùng kỳ năm 2018 đạt 21,5%. Do ảnh hưởng của quý 1 thấp kéo xuống, theo tiến độ và chu kỳ hằng năm thì sang quý 3 và quý 4 tốc độ sẽ tăng cao.

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm

+ Dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên: tiếp tục hoàn thiện đoạn từ cầu Sài Gòn đến cầu Nguyễn Hữu Cảnh, quận Bình Thạnh và đang thi công đoạn từ nhà hát thành phố đến vòng xoay chợ Bến Thành. Nhưng nhìn chung toàn tuyến tiến độ còn chậm, mới đạt khoảng 65%;

+ Nút giao thông ngã tư An Sương (giai đoạn 2): đang tạm ngưng thi công, do vướng giải tỏa.

2. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến cuối tháng 4, toàn thành phố đã cấp 15.345 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 3.487,1 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 14.902 giấy phép, với diện tích 3.432,4 ngàn m² và 443 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 54,7 ngàn m².

Số lượng giấy phép được cấp bằng 81,6% so với cùng kỳ (-3.452 giấy phép), giảm 7,9% về diện tích (-299,5 ngàn m²). Nguyên nhân giảm cả về giấy phép và diện tích so với năm trước do Thành phố tăng cường công tác quản lý đất đai; rà soát, kiểm tra các tình trạng xây dựng không phép, sai phép và hạn chế các sai phạm liên quan đến việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại các quận vùng ven và huyện ngoại thành. Cụ thể, huyện Củ Chi năm 2018 cấp 1.844 giấy phép, sang năm 2019 còn 1.134 giấy phép được cấp, giảm 710 giấy phép; huyện Hóc Môn năm 2018 cấp 1.328 giấy phép, sang năm 2019 còn 1.105 giấy phép được cấp,

giảm 223 giấy phép; quận 12 năm 2018 cấp 2.745 giấy phép, sang năm 2019 cấp 2.100 giấy phép, giảm 645 giấy phép.

3. Tình hình cấp giấy chứng nhận đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 20/05/2019, thành phố đã có 451 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn với tổng vốn đăng ký đạt 472,2 triệu USD. Điều chỉnh vốn đầu tư có 102 lượt dự án với số vốn tăng thêm là 214,5 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư mới và tăng vốn đến ngày 20/4 đạt 686,7 triệu USD, tăng 16,4% so với cùng kỳ.** Bên cạnh đó, trên địa bàn còn có 1.719 trường hợp nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đạt 2.078,8 triệu USD.

Phân loại các dự án được cấp mới:

Theo loại hình đầu tư: hình thức 100% vốn nước ngoài có 411 dự án, vốn đầu tư đạt 437,2 triệu USD; liên doanh 38 dự án, vốn đầu tư đạt 34,1 triệu USD và hợp đồng hợp tác kinh doanh có 2 dự án, vốn đầu tư là 830,6 ngàn USD.

Theo ngành hoạt động: hoạt động kinh doanh bất động sản đứng đầu về vốn đăng ký với 24 dự án, vốn đạt 221,2 triệu USD, chiếm 46,9% trong tổng vốn dự án được cấp phép mới; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 109 dự án, vốn đầu tư 110,6 triệu USD (chiếm 23,4%); thương nghiệp 188 dự án, vốn đầu tư 79,3 triệu USD (chiếm 16,8%); công nghiệp chế biến, chế tạo 17 dự án, vốn đầu tư 25,1 triệu USD (chiếm 5,3%); thông tin và truyền thông có 62 dự án, vốn đầu tư là 20,2 triệu USD (chiếm 4,3%); dịch vụ lưu trú và ăn uống 11 dự án, vốn đầu tư 5,5 triệu USD (chiếm 1,2%).

Theo đối tác đầu tư: trên địa bàn thành phố đã có 50 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư. Trong đó, dẫn đầu về vốn đăng ký là British Virgin Islands với 6 dự án, vốn là 155,7 triệu USD, chiếm 33% trong tổng vốn. Kế đến là Hàn Quốc với 91 dự án, vốn đầu tư là 131,6 triệu USD (chiếm 27,9%); Nhật Bản 64 dự án, vốn đầu tư là 81,3 triệu USD (chiếm 17,2%); Singapore 61 dự án, vốn đầu tư là 23,2 triệu USD (chiếm 4,9%); Hồng Kông 28 dự án, vốn đầu tư là 12,4 triệu USD (chiếm 2,6%); Trung Quốc là 37 dự án, vốn đầu tư là 11,1 triệu USD (chiếm 2,4%); Hoa Kỳ 22 dự án, vốn đầu tư là 10,7 triệu USD (chiếm 2,3%).

4. Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể

4.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/05/2019, Thành phố đã cấp phép cho 15.999 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 257.927 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm trước, số giấy phép giảm 0,1%, vốn đăng ký tăng 42%. Số lượng doanh nghiệp được cấp phép của 9 ngành dịch vụ chủ yếu là 11.370 đơn vị, chiếm 71,1% trong tổng số, tăng 0,4%; vốn đăng ký 200.930 tỷ đồng, chiếm 77,9%, tăng 40,7%.

Phân theo loại hình: Công ty TNHH 13.892 đơn vị, chiếm 86,8% trong tổng số, giảm 0,3% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 125.931 tỷ đồng, tăng 45,8%. Công ty cổ phần có 1.987 đơn vị, tăng 4,4%; vốn đăng ký 131.865 tỷ đồng, tăng

38,6% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp tư nhân có 119 đơn vị, giảm 28,7%; vốn đăng ký đạt 129 tỷ đồng, tăng 40,1%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** số lượng doanh nghiệp cấp phép là 67 đơn vị, giảm 4,3%; vốn đăng ký đạt 878 tỷ đồng, giảm 54,2% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** cấp phép 3.229 doanh nghiệp, giảm 3,3% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 48.088 tỷ đồng, tăng 50,3%. Trong đó, ngành xây dựng có 1.589 doanh nghiệp, vốn đạt 39.041 tỷ đồng, chiếm 81,2%, tăng 92,2% so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 1.537 đơn vị, giảm 1% và vốn đạt 7.677 tỷ đồng, giảm 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** cấp phép 12.703 doanh nghiệp, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 208.961 tỷ đồng, tăng 41,5%. Trong đó, **hoạt động kinh doanh bất động sản** 1.167 đơn vị, tăng 7,5%; vốn đăng ký 96.224 tỷ đồng, tăng 14%. **Thương nghiệp** có 6.258 doanh nghiệp, tăng 4,9%; vốn đăng ký đạt 41.355 tỷ đồng, tăng 32,9%. **Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ** 1.710 doanh nghiệp, vốn đăng ký 35.792 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số giấy phép tăng 7,7%, vốn đăng ký tăng gấp 3,8 lần. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có 261 doanh nghiệp, tăng 57,2%; vốn đăng ký 16.760 tỷ đồng, tăng gấp 2,6 lần so với cùng kỳ.

4.2. Doanh nghiệp ngừng hoạt động: Trong 4 tháng đầu năm, trên địa bàn thành phố đã có 1.527 doanh nghiệp giải thể, tăng 38,6% so với cùng kỳ. Doanh nghiệp ngừng hoạt động là 2.767 đơn vị, tăng 21,8%; doanh nghiệp chuyển đi tỉnh thành khác là 388 đơn vị, giảm 0,3%.

IV. NỘI THƯƠNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương

Hoạt động thương mại dịch vụ tháng 5 có mức tăng nhẹ so với tháng trước do trong tháng có kỳ nghỉ lễ kéo dài liên tục nhân kỷ niệm ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và ngày Quốc tế lao động; ngoài ra, vào cuối tháng 5 là bắt đầu kỳ nghỉ hè của các học sinh, sinh viên. Chính vì thế, nhu cầu mua sắm, vui chơi, giải trí của người dân tăng lên. Các đơn vị kinh doanh truyền thống thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi trên địa bàn; đồng thời, các hệ thống bán hàng trực tuyến cũng kích cầu bằng nhiều gói ưu đãi, tại sức hút cho người tiêu dùng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5 ước tính đạt 91.326 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 17,8% so với tháng cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

– Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 59.689 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể một số nhóm hàng có tỷ trọng cao trong doanh thu bán lẻ hàng hóa như: đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 12.283 tỷ đồng, chiếm 20,6%, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 29,6% so với

cùng kỳ; lương thực, thực phẩm 10.183 tỷ đồng, chiếm 17,1%, có mức tăng lần lượt so với các thời điểm như trên là 1,4% và 25,1%; xăng dầu các loại 5.267 tỷ đồng, chiếm 8,8%, tăng 3,3% và 27,9%; phương tiện đi lại 3.161 tỷ đồng, tăng 1,8% và 26,3%.

– Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 8.711 tỷ đồng, giảm 1,3% so với tháng trước và tăng 5,6% so với cùng kỳ.

– Doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 2.232 tỷ đồng, giảm 2,3% so với tháng trước và tăng 18,7% so với cùng kỳ.

– Doanh thu dịch vụ khác đạt 20.694 tỷ đồng, tăng 0,9% so với tháng trước và tăng 8,1% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 463.527 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước.

Phân theo loại hình kinh tế và ngành kinh tế của tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 5 tháng như sau:

*** Chia theo loại hình kinh tế:**

– Kinh tế nhà nước ước tính đạt 28.344 tỷ đồng, chiếm 6,1% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước;

– Kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 364.877 tỷ đồng, chiếm 78,7%, tăng 12,5%;

– Khu vực kinh tế có vốn nước ngoài đạt 70.306 tỷ đồng, chiếm 15,2%, tăng 13,5%.

*** Chia theo ngành kinh tế:**

– Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 305.277 tỷ đồng, chiếm 65,9% tổng mức và tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 60.089 tỷ đồng, chiếm 19,7%, tăng 15,1%; lương thực thực phẩm đạt 51.671 tỷ đồng, chiếm 16,9%, tăng 10,9%; xăng dầu các loại 26.062 tỷ đồng, chiếm 8,5%, tăng 15,3%; hàng may mặc 20.182 tỷ đồng, chiếm 6,6%, tăng 12,3%.

– Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 44.855 tỷ đồng, chiếm 9,7% tổng mức và tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước.

– Doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành ước tính đạt 11.289 tỷ đồng, chiếm 2,4% tổng mức và tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước.

– Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 102.106 tỷ đồng, chiếm 22% tổng mức và tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2018.

2. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 05/2019 tăng 0,58% so với tháng trước. Trong đó, **7/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng so với tháng trước** bao gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,26%; Nhóm nhà ở, điện, nước tăng 1,01%; Nhóm giao thông tăng 2,92%; Nhóm bưu chính viễn thông tăng 0,12%; Nhóm giáo dục tăng

0,07%; Nhóm Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; Nhóm văn hóa giải trí và du lịch tăng 0,29%. **3/11 nhóm giảm gồm** nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,06%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,03%; nhóm hàng hoá và dịch vụ khác giảm 0,18%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép **không biến động**.

Diễn biến giá một số nhóm ngành so với tháng trước cụ thể như sau:

– **Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống** tăng 0,26% so tháng trước. Trong đó:

+ **Nhóm lương thực:** giảm nhẹ 0,02% so tháng trước, tập trung vào nhóm bột mì và ngũ cốc giảm 2,20% , riêng gạo và nhóm lương thực chế biến đều tăng nhẹ với mức tương ứng +0,02% .

+ **Nhóm thực phẩm:** Sau khi liên tục giảm ở tháng 3 và tháng 4 qua tháng 5 giá thực phẩm đã tăng khá 0,38% so tháng trước, chỉ số giá thực phẩm tháng 5 tăng tập trung vào các nhóm: Thịt heo (+0,99%); Thịt gia cầm tươi sống (+0,04%); Thịt chế biến (+0,40%); Trứng các loại (+0,05%); dầu mỡ ăn và chất béo (+0,18%); Thủy sản tươi sống (+0,18%); Rau các loại (+1,36%); Trái cây các loại (+1,05%)... bên cạnh đó các nhóm hàng giảm giá so tháng trước gồm: Thịt bò (-0,74%); Thủy sản chế biến (-0,03%); Bánh mứt kẹo (-0,13%), còn lại các nhóm hàng khác trong nhóm thực phẩm không biến động so tháng trước.

Nhìn chung, chỉ số giá thực phẩm tăng so tháng trước do tác động cánh kéo từ việc giá nguyên nhiên liệu đầu vào tăng như giá gas, giá xăng, giá dầu hỏa... tăng dẫn đến chi phí tăng theo.

– **Nhóm nhà ở, điện, nước chất đốt và vật liệu xây dựng:** tăng 1,01% so tháng trước, chủ yếu do tác động từ việc tăng giá vật liệu xây dựng (+0,96%), giá gas (+1,41%), giá dầu hỏa (+3,01%), giá điện (+9,20%) và giá nước sinh hoạt (+1,90%). Riêng giá nhà cho thuê giảm nhẹ (-0,08%) ở phân khúc căn hộ nhà cấp 4 khu vực nông thôn, còn lại các mặt hàng khác thuộc nhóm nhà ở không biến động.

– **Nhóm giao thông:** tăng 2,92% so tháng trước, chủ yếu do tác động của việc điều chỉnh 2 lần giá xăng, dầu trong tháng với lần 1 vào ngày 2/5 và lần 2 vào ngày 17/5. Bình quân sau 2 lần điều chỉnh: giá xăng, dầu tăng 5,97% so tháng trước. Riêng cước tàu hỏa giảm 0,14% so tháng trước, cước ô tô khách tăng 1,20%, còn lại các mặt hàng và dịch vụ khác thuộc nhóm giao thông không biến động.

Nhóm văn hoá giải trí, du lịch: tăng nhẹ 0,24%, tập trung ở thiết bị văn hóa, dụng cụ thể thao, hoa cây cảnh, du lịch trong nước.

CPI tháng 05/2019 tăng 1,46% so với tháng 12/2018 và tăng 4,41% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 5 tháng năm 2019 tăng 3,94% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Chỉ số giá vàng tháng 05/2019 giảm 0,44% so với tháng trước, giảm 0,25% so với tháng 12/2018 và giảm 1,0% so với cùng tháng năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 05/2019 tăng 0,48% so tháng trước, không đổi so với tháng 12/2018 và tăng 2,42% so với cùng tháng năm 2018.

V. XUẤT - NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước trong tháng 5 ước đạt 3.382,3 triệu USD, tăng 6,0% so với tháng trước; trong đó, kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô ước đạt 3.202,3 triệu USD tăng 6,6%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) tháng 5 ước đạt 2.544,8 triệu USD, giảm 0,6% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 231,2 triệu USD, giảm 7,0%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 790,3 triệu USD, giảm 0,5%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.523,3 triệu USD, tăng 0,4%. Trong đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với tháng trước như: Cao su tăng 111,9%; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 4,4%; hàng thủy sản tăng 3,6%; giày dép tăng 0,3% còn lại các mặt hàng chủ yếu đều giảm so với tháng trước.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước ước đạt 15.738,4 triệu USD, tăng 7,2% so cùng kỳ năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu không kể dầu thô đạt 14.787,8 triệu USD, tăng 8,3% so cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong 5 tháng đầu năm 2019 ước đạt 13.757,1 triệu USD, tăng 2,6% so cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 1.253,2 triệu USD, giảm 12,2%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.369,5 triệu USD, giảm 4%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 8.134,4 triệu USD, tăng 9,5% so cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm 2019 của doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (loại trừ dầu thô) gồm:

- *Nhóm hàng nông sản* đạt 1.436,4 triệu USD (chiếm tỷ trọng 11,2%), giảm 13,6% so cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Gạo có sản lượng xuất khẩu đạt 249,1 ngàn tấn với giá trị 346,5 triệu USD, giảm 22,2% so cùng kỳ;

+ Cà phê có sản lượng xuất khẩu đạt 164,2 ngàn tấn với giá trị 239,5 triệu USD, giảm 33,7% so cùng kỳ;

+ Cao su có sản lượng xuất khẩu đạt 87,6 ngàn tấn với giá trị 225,2 triệu USD, tăng 4,5% so cùng kỳ.

- *Nhóm hàng lâm sản* đạt 221,5 triệu USD (chiếm tỷ trọng 1,7%), tăng 0,5% so cùng kỳ năm trước;

- *Nhóm hàng thủy hải sản* đạt 369,8 triệu USD (chiếm tỷ trọng 2,9%), tăng 2,0%;

- *Nhóm hàng công nghiệp* đạt 9.661,3 triệu USD (chiếm tỷ trọng 75,4%), tăng 5,8%, trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có giá trị xuất khẩu đạt 4.415,0 triệu USD (chiếm tỷ trọng 34,5%), tăng 30,7% so cùng kỳ;

+ Dệt, may giá trị xuất khẩu ước đạt 1.993,4 triệu USD (chiếm tỷ trọng 15,6%), giảm 6,0% so cùng kỳ;

+ Giày dép có giá trị xuất khẩu đạt 930,4 triệu USD (chiếm tỷ trọng 7,3%), giảm 7,0% so cùng kỳ;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có giá trị xuất khẩu ước đạt 778,7 triệu USD (chiếm tỷ trọng 6,1%), giảm 19,5% so cùng kỳ.

- Nhóm hàng hóa khác trị giá xuất khẩu ước đạt 1.117,5 triệu USD (chiếm tỷ trọng 8,7%), tăng 10,8% so cùng kỳ năm trước.

Riêng mặt hàng dầu thô, sản lượng xuất khẩu của các doanh nghiệp Thành phố trong 5 tháng đầu năm 2019 ước đạt 1.934,2 ngàn tấn (tăng 3,3%) với trị giá 950,5 triệu USD, giảm 6,9% so cùng kỳ.

Về thị trường xuất khẩu hàng hóa trong 5 tháng đầu năm 2019 của các doanh nghiệp Thành phố qua cảng thành phố, đứng đầu là thị trường Trung Quốc với kim ngạch xuất khẩu đạt 2.691,9 triệu USD (chiếm 19,6% tỷ trọng xuất khẩu) tăng 3,7% so cùng kỳ năm 2018. Tiếp đến là Hoa Kỳ với kim ngạch xuất khẩu đạt 2.330,3 triệu USD (chiếm 16,9%), tăng 5,5% so cùng kỳ. Xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản đạt 1.187,6 triệu USD (chiếm tỷ trọng 8,6%) giảm 10,9% so cùng kỳ năm 2018.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước trong tháng 5 năm 2019 ước đạt 4.518,2 triệu USD tăng 8,0% so với tháng trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố ước đạt 3.210,6 triệu USD, tăng 3,8% so với tháng trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 163,6 triệu USD, tăng 8,9%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.654,9 triệu USD, tăng 5,7%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.392,1 triệu USD, tăng 1,1%.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước ước đạt 19.785,0 triệu USD, tăng 5,4% so cùng kỳ năm trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố ước đạt 15.710,2 triệu USD, giảm 3,1% so cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước đạt 650,9 triệu USD, giảm 17,5%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 7.913,1 triệu USD, giảm 9,5%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7.146,2 triệu USD, tăng 7,0%.

Về cơ cấu nhóm hàng hóa nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2019 của các doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố gồm: nhóm hàng nguyên nhiên vật liệu đạt 6294,9 triệu USD (chiếm tỷ trọng 40,1%), giảm 11,8% so cùng kỳ năm 2018; nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng đạt 7.046,3 triệu USD (chiếm 44,9%),

tăng 4,1% so cùng kỳ; nhóm hàng tiêu dùng đạt 899,0 triệu USD chiếm 5,7%), tăng 11,5% so cùng kỳ; nhóm hàng hóa khác 1.470,0 triệu USD (chiếm 9,3%), giảm 1,6% so cùng kỳ.

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của doanh nghiệp Thành phố qua cảng Thành phố trong 5 tháng đầu năm 2019 như:

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có trị giá nhập khẩu đạt 3.901,8 triệu USD (chiếm tỷ trọng 24,8%), tăng 15,7% so cùng kỳ năm 2018;

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có trị giá nhập khẩu đạt 2.181,1 triệu USD (chiếm tỷ trọng 13,9%), giảm 1,9% so cùng kỳ;

+ Vải các loại có trị giá nhập khẩu đạt 894,4 triệu USD (chiếm tỷ trọng 5,7%), giảm 12,6% so cùng kỳ;

+ Chất dẻo nguyên liệu có giá trị nhập khẩu đạt 760,4 triệu USD, (chiếm tỷ trọng 4,8%), giảm 9,6% so cùng kỳ;

+ Sắt thép có trị giá nhập khẩu đạt 703,5 triệu USD, tăng 5,4%;

+ Dược phẩm có trị giá nhập khẩu đạt 588,9 triệu USD, tăng 1,6% so cùng kỳ;

+ Điện thoại các loại và linh kiện có trị giá nhập khẩu đạt 378,1 triệu USD, giảm 23,3% so cùng kỳ;

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày có trị giá nhập khẩu đạt 278,6 triệu USD, giảm 8,4% so cùng kỳ năm 2018.

VI. VẬN TẢI

1. Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ hỗ trợ vận tải tháng 5 ước đạt 20.910,9 tỷ đồng, tăng 1,0% so với tháng trước và tăng 16,2% so tháng cùng kỳ. Tính chung 5 tháng ước đạt 103.877,7 tỷ đồng, tăng 13,9% so cùng kỳ. Trong đó: vận tải hàng hóa tăng 13,3%, vận tải hành khách tăng 5,8%, dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 14,6%.

Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách 5 tháng đầu năm 2019

	Doanh thu 5 tháng (tỷ đồng)		So với cùng kỳ năm 2018 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	25.284,8	10.047,5	113,3	105,8
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	1.414,3	102,1	111,2	103,9
Kinh tế ngoài nhà nước	23.687,8	7.324,5	113,4	111,9
Kinh tế có vốn nước ngoài	182,7	2.620,9	119,5	92,0
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	17.074,0	7.292,9	114,2	112,3
Đường sông	1.118,6	33,7	111,5	108,9
Đường biển	7.022,9	226,1	111,4	97,2
Đường hàng không	69,3	2.494,8	108,6	91,1

* **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu 5 tháng ước đạt 25.284,8 tỷ đồng, tăng 13,3% so cùng kỳ năm trước. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 5,6%, tăng 11,2% so cùng

kỳ; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,7%, tăng 13,4%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,7%, tăng 19,5%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 67,5%, tăng 14,2%; vận tải đường biển chiếm 27,8%, tăng 11,4% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 4,4%, tăng 11,5% so cùng kỳ.

* **Vận tải hành khách:** Doanh thu 5 tháng ước đạt 10.047,5 tỷ đồng, tăng 5,8% so cùng kỳ. Kinh tế ngoài nhà nước chiếm chủ yếu 72,9%, tăng 11,9% so cùng kỳ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 26,1%, bằng 92,0% so cùng kỳ.

Vận tải đường bộ chiếm 72,6%, tăng 12,3% so cùng kỳ, đường hàng không chiếm 24,7%, bằng 91,1% so cùng kỳ.

2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách:

a. Sản lượng vận tải hàng hóa tháng 5 ước đạt 20.345 ngàn tấn, so với tháng trước tăng 1,8%. Cộng dồn 5 tháng ước đạt 103.036 ngàn tấn, so cùng kỳ tăng 10,9%. Khu vực nhà nước chiếm 5,8%, tăng 10,7%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 93,5%, tăng 10,8% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 0,6%, tăng 31,6% so cùng kỳ.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 66,2%, tăng 9,6% so cùng kỳ; vận tải đường sông chiếm 15,7%, tăng 10,6% so cùng kỳ; vận tải đường biển chiếm 18,0%, tăng 16,3%.

b. Sản lượng vận tải hành khách tháng 5 ước đạt 84.849 ngàn hành khách, so với tháng trước bằng 97,6%. Cộng dồn 5 tháng ước đạt 422.323 ngàn hành khách, so với cùng kỳ tăng 13,1%. Khu vực nhà nước chiếm 2,8%, tăng 2,0%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 95,6%, tăng 13,3% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,6%, tăng 27,8%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 98,6%, tăng 13,1%; vận tải hàng không chiếm 0,8%, tăng 33,4%; vận tải đường sông chiếm 0,8%, tăng 6,8%.

VII. TÀI CHÍNH

1. Ngân sách

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 5 tháng năm 2019 ước thực hiện 165.189 tỷ đồng, đạt 41,4% dự toán, tăng 4,9% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 106.836 tỷ đồng, đạt 39,2% dự toán, tăng 0,2% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 9.497 tỷ đồng, đạt 52,8% dự toán, giảm 2,5% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 48.856 tỷ đồng, đạt 44,9% dự toán, tăng 18,6% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	399.125	165.189	41,4	104,9
I - Thu nội địa	272.325	106.836	39,2	100,2
Trong đó:				

1. Doanh nghiệp nhà nước	29.899	10.373	34,7	104,3
2. Khu vực ngoài nhà nước	69.114	31.469	45,5	112,3
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	76.450	26.998	35,3	105,0
II - Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.800	48.856	44,9	118,6
III - Thu từ dầu thô	18.000	9.497	52,8	97,5

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,7% tổng thu nội địa, tăng 4,3% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 7.004 tỷ đồng, đạt 33,2% dự toán, giảm 0,3% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 3.369 tỷ đồng, đạt 38,3% dự toán, tăng 15,2% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 31.469 tỷ đồng, đạt 45,5% dự toán, tăng 12,3% so cùng kỳ. Thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 26.998 tỷ đồng, đạt 35,3% dự toán, tăng 5,0% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 5 tháng năm 2019 ước thực hiện 28.072 tỷ đồng, đạt 37,8% dự toán, giảm 20,2% so cùng kỳ năm 2018.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 5 tháng năm 2019 ước thực hiện 19.236 tỷ đồng, đạt 21,6% dự toán, tăng 11,8% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2019 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2018
Tổng chi (trừ tạm ứng)	88.870	19.236	21,6	111,8
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	31.617	5.178	16,4	99,0
II- Chi thường xuyên	47.419	12.281	25,9	109,0
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	7.029	747	10,6	60,3
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	16.632	4.275	25,7	121,7
Sự nghiệp y tế	3.122	615	19,7	128,6
Quản lý hành chính	8.114	2.497	30,8	118,1

Chi đầu tư phát triển 5.178 tỷ đồng, đạt 16,4% dự toán, giảm 1,0% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 12.281 tỷ đồng, đạt 25,9% dự toán, tăng 9,0% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 747 tỷ đồng, đạt 10,6% dự toán, giảm 39,7% so cùng kỳ; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 4.275 tỷ đồng, đạt 25,7% dự toán, tăng 21,7% so cùng kỳ; chi sự nghiệp y tế 615 tỷ đồng, đạt 19,7% dự toán, tăng 28,6% so cùng kỳ; chi quản lý hành chính 2.497 tỷ đồng, đạt 30,8% dự toán, tăng 18,1% so cùng kỳ 2018.

2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động đến đầu tháng 5 đạt 2.295,19 ngàn tỷ đồng, tăng 1,56% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,67%); tăng 10,19% so với tháng cùng kỳ năm trước. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 52,48% tổng vốn huy động, tăng 13,72% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 47,11% tổng vốn huy động, tăng 4,22% so với tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 11,54%, tăng 18,10% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VND chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 88,46%; tăng 9,24% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 5 đạt 2.124,78 ngàn tỷ đồng, tăng 14,49% so tháng cùng kỳ. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 1.110,56 ngàn tỷ đồng, chiếm 52,27% tổng dư nợ, tăng 14,23% so tháng cùng kỳ.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 173,68 ngàn tỷ đồng, chiếm 8,17% tổng dư nợ, tăng 1,99% so với tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VND đạt 1.951,10 ngàn tỷ đồng, chiếm 91,83% tổng dư nợ, tăng 15,76% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 04 năm 2019, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 380 gồm 375 mã cổ phiếu, 3 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; giảm 1 mã cổ phiếu so với cuối tháng trước (ngày 18/04/2019 hủy niêm yết mã cổ phiếu CMT của Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng và Truyền thông; không có mã trái phiếu mới phát sinh giao dịch trong tháng này).

Giá trị vốn hóa thị trường là 3.207.732 tỷ đồng, tăng 11,55% so với cuối năm 2018. Trong tháng 04/2019 có 19 phiên giao dịch, 9 phiên tăng điểm và 10 phiên giảm điểm. Đây là tháng có giao dịch kém sôi động khi khối lượng giao dịch giảm mạnh so với tháng trước và VN-Index không có nhiều biến động. Đến cuối tháng 04/2019, VN-Index đạt 979,64 điểm, giảm 0,11% (tương ứng giảm 1,12 điểm) so với cuối tháng trước và tăng 9,76% (tương ứng tăng 87,10 điểm) so với cuối năm 2018.

Đến cuối tháng 03/2019, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 03/01 với 878,22 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 18/03 với 1.011,86 điểm.

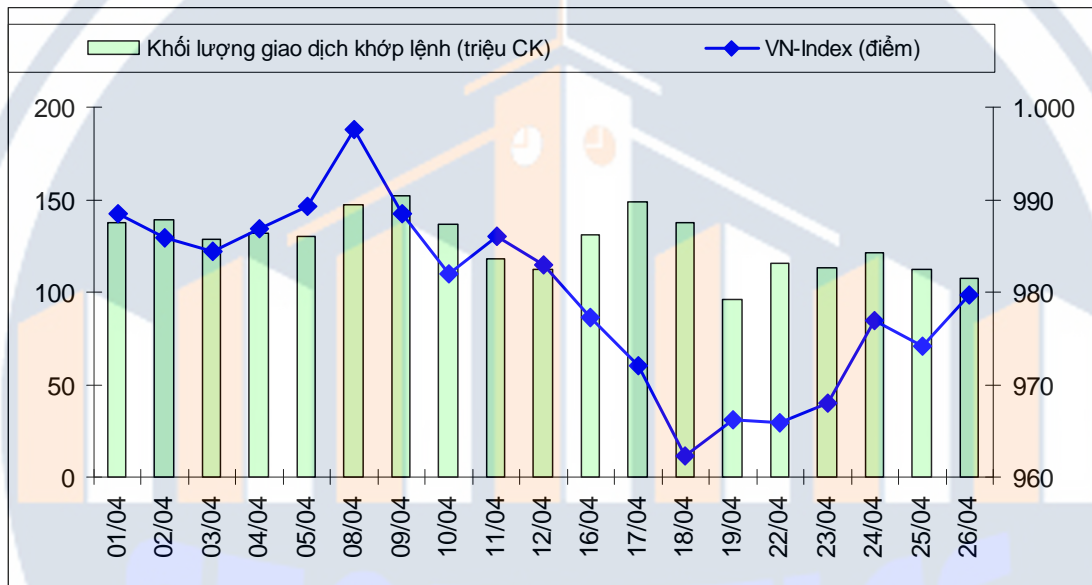
Khối lượng giao dịch trong tháng 04/2019 đạt 3.145,33 triệu chứng khoán, giảm 31,69% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 67.421,42 tỷ đồng, giảm 34,24% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 165,54 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 3.548,50 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 24,50% và giá trị giao dịch giảm 27,32% so với tháng trước.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 04/2019	4 tháng năm 2019	Tháng 04 so tháng 03	4 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.145,33	13.700,20	68,31	71,82
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.107,82	13.420,55	68,87	71,75
Trái phiếu	20,97	145,35	65,99	231,87
Chứng chỉ quỹ & ETF	16,54	134,30	27,58	43,56
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	2.414,44	10.935,53	66,13	65,68

Giao dịch thoả thuận	730,89	2.764,67	76,63	114,00
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	67.421,42	303.474,96	65,76	52,97
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	65.022,12	286.435,74	66,10	51,06
Trái phiếu	2.156,86	15.033,95	66,34	231,71
Chứng chỉ quỹ & ETF	242,44	2.005,27	26,66	36,94
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	49.700,49	225.063,88	64,81	47,75
Giao dịch thoả thuận	17.720,93	78.411,08	68,58	77,18

Đồ thị VN-Index tháng 04/2019 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/05/2019, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 381. Giá trị vốn hóa thị trường là 3.253.343 tỷ đồng, tăng 13,14% so với cuối năm 2018; VN-Index đạt 975,64 điểm, tăng 9,31% (tương ứng tăng 83,10 điểm) so với cuối năm 2018.

B. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA XÃ HỘI

I. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ ngày 16/03/2019 đến 15/04/2019)

1. Vi phạm kinh tế

Qua triển khai các biện pháp nghiệp vụ, đã phát hiện 101 vụ với 93 đối tượng có hành vi vi phạm trong lĩnh vực kinh tế, thu giữ nhiều hàng hóa trị giá trên 4,1 tỷ đồng; Lập 22 biên bản vi phạm hành chính về môi trường, đề xuất ban hành 62 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thu về ngân sách khoảng 3,7 tỷ đồng.

2. Phạm pháp hình sự

Đã ghi nhận 315 vụ phạm pháp hình sự giảm 10,5% (-37 vụ) so với cùng kỳ năm 2018; làm chết 05 người, bị thương 48 người, thiệt hại tài sản trị giá hơn 10 tỷ

đồng. Đã kiểm chế, kéo giảm được 04 loại án gồm: Cướp tài sản (-04 vụ); Cường đoạt tài sản (-03 vụ); Cố ý gây thương tích (-03 vụ); Trộm tài sản (-34 vụ). Tuy nhiên, có 05 loại án tăng gồm: Giết người (+02 vụ); Hiếp dâm (+01 vụ); Hiếp dâm người dưới 16 tuổi (+02 vụ); Giao cấu người dưới 16 tuổi (+02 vụ); Chống người thi hành công vụ (+02 vụ).

Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá nhanh là 221 vụ (đạt 70,2%) và bắt 258 người vi phạm. Bắt, vận động đầu thú và thanh loại 38 đối tượng có lệnh truy nã (trong đó bắt 21 tên, vận động đầu thú 09 tên và thanh loại 05 tên, nơi khác bắt hộ 03 tên).

3. Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội

Ma túy: Đã triệt phá nhiều đường dây mua bán, vận chuyển ma túy với số lượng lớn. Trong thời gian từ ngày 16/03/2019 đến 15/04/2019, đã phát hiện 141 vụ, 358 đối tượng có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; thu giữ 1.458 kilogram + 37,1328 gram Heroin; 12,515 kilogram ma túy tổng hợp và nhiều tang vật khác có liên quan.

Các loại tệ nạn xã hội khác: Đã phát hiện, xử lý nhiều vụ đánh bạc ăn tiền với quy mô nhỏ tại khu dân cư, nơi công cộng... Đã kiểm tra phát hiện, xử lý 34 vụ với 183 đối tượng tổ chức, tham gia cờ bạc trái phép, thu trên 162 tỷ đồng và nhiều tang vật khác.

4. Trật tự an toàn giao thông

Cùng thời gian trên, đã ghi nhận 321 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 52 người, bị thương 212 người; trong đó có 59 vụ tai nạn giao thông đường bộ từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 51,3% (+20 vụ) so với cùng kỳ năm trước; làm chết 52 người, bị thương nặng 18 người và 262 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 193 người, hư hỏng 483 xe các loại. Xảy ra 02 vụ tai nạn giao thông, làm chết 02 người và xảy ra 01 vụ va chạm trên tuyến thủy nội địa, không gây thiệt hại về người.

5. Về tình hình cháy, nổ

Đã xảy ra 25 vụ cháy giảm 45,7% (-21 vụ so với cùng kỳ năm trước); làm chết 01 người; thiệt hại tài sản ước tính khoảng 4,2 triệu đồng. Tính chất các vụ cháy vẫn diễn biến phức tạp, chủ yếu là cháy nhà đơn lẻ, căn hộ chung cư... Nguyên nhân gây cháy chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện.

Trong tháng trên địa bàn thành phố không xảy ra vụ nổ nào.

II. Giải quyết việc làm

Kết quả giải quyết việc làm: trong tháng 5/2019, các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố đã giải quyết việc làm cho 28.981 lượt lao động, tăng 2,0% so với tháng trước; số chỗ việc làm mới tạo ra là 12.822 chỗ việc làm, giảm 5,7% so với tháng trước. Cộng dồn 5 tháng đầu năm 2019 là 132.606 lượt lao động đạt 44,2% so

với kế hoạch năm 2019 và số chỗ việc làm mới là 60.403 chỗ việc làm mới đạt 46,5% so với kế hoạch năm 2019.

Tình hình về chính sách bảo hiểm thất nghiệp: trong tháng 5 đã có 19 ngàn người lao động nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp và tư vấn các chế độ cho người lao động theo quy định, 16 ngàn người có quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp và chuyển hồ sơ sang Bảo hiểm Xã hội chi tiền cho người lao động tháng thứ nhất, có 37.000 trường hợp đến thông báo có việc làm.

Tiếp tục tăng cường rà soát dữ liệu báo tăng của Bảo hiểm Xã hội, dữ liệu báo cáo lao động, biến động lao động tại các doanh nghiệp để hạn chế việc người lao động đã có việc làm nhưng vẫn nộp hồ sơ để hưởng trợ cấp thất nghiệp.

C. TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

Sơ bộ kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở: Tính đến ngày 25/5/2019, toàn thành phố đã hoàn thành điều tra 2.576.787 hộ với 8.926.644 nhân khẩu (chưa tính đến số liệu của bộ đội, công an và người nước ngoài). Kết quả chính thức về dân số của Thành phố sẽ được Trung ương công bố.

Theo kết quả sơ bộ nêu trên: Các quận, huyện có dân số trên 500.000 dân gồm: Bình Tân (781.354 nhân khẩu), Bình Chánh (702.909); Gò Vấp (671.244); quận 12 (618.346), Thủ Đức (587.547) và Hóc Môn (539.234). Quận, huyện có dưới 200.000 dân gồm: quận 3 (189.253), quận 2 (178.966), quận 4 (173.962), Phú Nhuận (162.151), quận 5 (157.916), quận 1 (139.418) và Cần giờ (69.323).

Hiện nay, Ban chỉ đạo các cấp vẫn tiếp tục thực hiện công tác phúc tra, sửa lỗi logic, xác minh lại một số thông tin do phần mềm phát hiện lỗi, nhất là việc mô tả ngành, nghề, trình độ chuyên môn ở các địa bàn mẫu. Tổ chức việc tập huấn đánh mã ngành, mã nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội tháng 5 và 5 tháng năm 2019 và tiến độ thực hiện Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 tại Thành phố Hồ Chí Minh.